

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH DƯỢC HỌC

(Ban hành Quyết định số 133/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được điều chỉnh năm 2020 được giảm tải một số nội dung nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, tinh gọn, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

Sinh viên học tập tại Khoa Dược – Điều Dưỡng được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một dược sĩ có chất lượng cao và đảm trách được các công việc trong lĩnh vực Dược.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: Dược học (Pharmacy)

Tên văn bằng: Dược sĩ Đại Học

Mã ngành: 7720201

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Dược – Điều Dưỡng

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Dược sĩ

Trình độ: Đại học

Thời gian: 05 năm (10 học kỳ - tối đa 10 năm)

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH vùng ĐBSCL, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường ĐH Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu khu vực ĐBSCL và các tỉnh phía Nam với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Đến năm 2035, hoạt động đào tạo một số ngành đại học chính

quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mục tiêu phát triển đến 2035

Là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đại học và sau đại học có uy tín, chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người và vật nuôi vùng ĐBSCL và cả nước an toàn, bền vững.

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa Dược – Điều dưỡng

2.2.1. Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn phù hợp chuyên ngành, có khả năng ứng dụng khoa học trong lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải trí thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.2.2. Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2025 trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Dược và Điều dưỡng hàng đầu ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Đến năm 2035, hoạt động đào tạo đại học chính quy phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

2.2.3. Mục tiêu đào tạo

Khoa Dược – Điều dưỡng đào tạo Dược sĩ và Điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, nắm vững những kiến thức cơ bản về lĩnh vực sức khỏe. Sinh viên Khoa Dược – Điều dưỡng được đào tạo theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp đào tạo nhân lực cho ngành sức khỏe dựa trên tiêu chí phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của một Dược sĩ và Cử nhân Điều dưỡng, đồng thời đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay. Chương trình đào tạo có tham khảo chương trình của một số trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Qua đó giúp sinh viên có năng lực nghiên cứu và có khả năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn. Do đó, sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Dược và Điều dưỡng Trường Đại học Tây Đô có thể đáp ứng các công việc chuyên môn trong ngành sức khỏe ở nhiều lĩnh vực liên quan Dược và Điều dưỡng.

2.2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2035

Ngành Dược học và Điều dưỡng đến năm 2035 đầu tư hoàn thiện về cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, nghiên cứu khoa học, xây dựng phòng thí nghiệm trung tâm. CTĐT của ngành định kỳ kiểm định đáp ứng với nhu cầu xã hội, với nhiều cấp bậc và mang tính liên tục. Tạo điều kiện cho SV có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn để phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành. SV ngành Dược học và Điều dưỡng sau khi ra trường sẽ có tỷ lệ tìm được việc làm phù hợp cao đáp ứng được 3 tiêu chí: kiến thức – kỹ năng – tính tự chủ, trách nhiệm trong công việc chuyên môn và phục vụ cộng đồng.

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Dược học được thiết kế với mục tiêu đào tạo dược sĩ đại học có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

• Kiến thức

G1. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

G2. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Dược vào hoạt động nghề nghiệp (sản xuất, kiểm nghiệm, quản lý cung ứng thuốc và công tác dược lâm sàng).

G3. Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

G4. Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bào chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc, kiểm nghiệm, quản lý cung ứng thuốc, đặc biệt trong công tác dược lâm sàng về tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

• Kỹ năng

G5. Nắm vững và vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành.

G6. Thực hiện được các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực dược.

• Thái độ

G7. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực dược.

G8. Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Dược học đạt được những chuẩn đầu ra sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

LO1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên

cứu và lĩnh vực y tế.

LO2. Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong chuyên ngành Dược.

3.1.2. Kiến thức chuyên môn

LO3. Sử dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về y – dược vào hoạt động nghề nghiệp.

LO4. Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên môn về nghiên cứu, sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc cho đến việc sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.

LO5. Hiểu và vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng mềm

LO6. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, ...) vào công việc thực tế.

LO7. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ngoại ngữ tương đương trình độ TOEIC \geq 450 điểm) và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

LO8. Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.

LO9. Tổ chức và triển khai được thực hành tốt trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

LO10. Phân tích và thực hiện các quy trình chiết xuất, kiểm nghiệm, thiết kế, tổng hợp và bào chế sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

LO11. Tham gia giải quyết các nhu cầu về sử dụng thuốc của cộng đồng một cách an toàn, kịp thời, hợp lý và hiệu quả dựa vào bằng chứng khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế.

3.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

LO12. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, quy định và đạo đức nghề nghiệp.

LO13. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh; tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

LO14. coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có tinh thần bảo vệ và phát triển nguồn dược liệu.

LO15. Khiêm tốn, trung thực, khách quan, cầu tiến, có tinh thần nghiên cứu khoa học

và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và CĐR của chương trình

	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	L010	LO11	LO12	LO13	LO 14	LO 15
G1	X											X	X		
G2		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X		
G3			X												
G4				X	X			X	X	X	X	X	X		X
G5					X				X		X		X		
G6		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
G7	X	X				X	X	X						X	
G8	X											X		X	

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng có yêu cầu sử dụng dược sĩ.

Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2020 để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.

Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐƯTXT)}.$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTBC cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.

- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐƯTXT}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTBC môn 1} + \text{ĐTBC môn 2} + \text{ĐTBC môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTBC Môn 1} = (\text{ĐTBC cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTBC cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTBC học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTBC Môn 2} = (\text{ĐTBC cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTBC cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTBC học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTBC Môn 3} = (\text{ĐTBC cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTBC cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTBC học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối B00 (Toán, Hóa, Sinh)
- + Khối D07 (Toán, Hóa, Anh)
- + Khối C02 (Toán, Văn, Hóa)

5.2. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế 10 học kỳ tương ứng với 5 năm học, gồm **171 tín chỉ**. Trong đó thời gian học tập chính thức 5 năm, thời gian học tập tối đa 10 năm.

Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 16 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Dược – Điều Dưỡng tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy,

tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Dược học cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.

- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).

- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).

- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng

Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người dược sỹ.

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
 - + Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
 - + Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

Các môn thực hành: Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

7.3. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7.4. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

7.4.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều lỗi trong câu, từ. - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu, chưa nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét. - Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.

4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.
---	---	--	---	--	---

7.4.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
1. Hình thức	10%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.
2. Cấu trúc	10%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
3. Nội dung					
3.1. Tổng quan	15%	Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những	- Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát - Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên

			<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài - Trình bày mạch lạc, rõ ràng 	<ul style="list-style-type: none"> quan đến đề tài nghiên cứu - Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học). - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
3.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	15%	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu. - Chưa đạt cỡ mẫu nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu. - Có mô tả công cụ thực nghiệm. - Có mô tả phương pháp xử lý 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý.

			<p>dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<p>đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính) - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.3. Kết quả nghiên cứu</p>	30%	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng. - Có trình bày kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.4. Kết luận- Ý nghĩa</p>	10%	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng. - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.

4. Báo cáo	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong không phù hợp - Slide báo cáo khó theo dõi - Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác <50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - Silde báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.
------------	-----	--	---	--	--

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy 171 tín chỉ (bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu: (kể cả học phần: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)	43	26	17

2	Kiến thức cơ sở khối ngành	51	36	15
3	Kiến thức ngành và chuyên ngành	77	45	32
3.1	<i>Học phần bắt buộc</i>	53	34	19
3.2	<i>Kiến thức bổ trợ, đặc thù, tự chọn</i>	12	10	2
3.3	<i>Đồ án, khóa luận tốt nghiệp</i>	12	0	12
	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thay thế và làm tiểu luận)	8	0	8
Tổng cộng		171	107	64

8.2. Danh mục học phần

8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 32 tín chỉ.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	
7	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	
8	0301001673	Tin học căn bản	3	
9	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
10	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
11	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
12	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
14	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
15	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
16	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
17	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
18	0301000650	Giáo dục quốc phòng - an ninh**	8	
19	0301000674	Xác suất - Thống kê y dược	2	
20	0301001417	Hóa đại cương - vô cơ	2	
21	0301001418	TH. Hóa đại cương - vô cơ	1	
22	0301001419	Sinh học và di truyền	2	
23	0301001420	TH. Sinh học và di truyền	1	
24	0301002398	Vật lý - Lý sinh	2	
Tổng			32+11	

8.2.2. Kiến thức cơ sở khối ngành: 51 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001421	Hóa hữu cơ	3	
2	0301001422	TH. Hóa hữu cơ	1	
3	0301001423	Hóa phân tích 1	2	
4	0301001424	TH. Hóa phân tích 1	1	
5	0301002416	Hóa phân tích 2	2	
6	0301001426	TH. Hóa phân tích 2	1	
7	0301001427	Hóa sinh	3	
8	0301001428	TH. Hóa sinh	1	
9	0301001429	Hóa lý dược	2	
10	0301001430	TH. Hóa lý dược	1	
11	0301001518	Giải phẫu sinh lý	2	
12	0301001672	TH. Giải phẫu sinh lý	2	
13	0301000473	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	
14	0301000014	Bệnh học cơ sở	3	
15	0301000137	Dược dịch tễ	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
16	0301001431	Thực vật dược	3	
17	0301001433	TH. Thực vật dược	1	
18	0301001477	Thực hành dược khoa	1	
19	0301000488	Tâm lý và đạo đức y dược	2	
20	0301000372	Nhận thức dược liệu	1	
21	0301001434	Ký sinh trùng y học	2	
22	0301001435	TH. Ký sinh trùng y học	1	
23	0301001436	Vi sinh vật Y học	2	
24	0301001437	TH. Vi sinh vật Y học	1	
25	0301000557	Tin học chuyên ngành dược	2	
26	0301001584	Tiếng Anh chuyên ngành	2	
27	0301001438	Độc chất học	2	
28	0301001439	TH. Độc chất học	1	
29	0301001398	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
Tổng			51	

8.2.3. Kiến thức ngành: 77 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001440	Dược liệu 1	2	
2	0301001441	TH. Dược liệu 1	2	
3	0301001442	Dược liệu 2	2	
4	0301001499	TH. Dược liệu 2	2	
5	0301000138	Dược học cổ truyền	2	
6	0301001444	Hóa dược 1	2	
7	0301001445	TH. Hóa dược 1	1	
8	0301001446	Hóa dược 2	3	
9	0301001447	TH. Hóa dược 2	1	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
10	0301000229	Kinh tế dược	2	
11	0301000397	Pháp chế dược 1	2	
12	0301000148	Dược lý 1	2	
13	0301001449	TH. Dược lý 1	1	
14	0301001450	Dược lý 2	3	
15	0301001451	TH. Dược lý 2	1	
16	0301001452	Bào chế và sinh dược 1	2	
17	0301001845	TH. Bào chế và sinh dược 1	1	
18	0301002401	Bào chế và sinh dược 2	2	
19	0301001455	TH. Bào chế và sinh dược 2	2	
20	0301001456	Công nghệ sản xuất dược phẩm	2	
21	0301001457	TH. Công nghệ sản xuất dược phẩm	1	
22	0301001458	Dược lâm sàng 1	2	
23	0301001459	TH. Dược lâm sàng 1	1	
24	0301001460	Dược lâm sàng 2	2	
25	0301001461	TH. Dược lâm sàng 2	2	
26	0301001462	Kiểm nghiệm thuốc	3	
27	0301001463	TH. Kiểm nghiệm thuốc	2	
28	0301001271	Dược xã hội học	2	
29	0301000524	Thực tế 1 (TT. Nhà thuốc bệnh viện)	1	
30	0301001256	Thực tập tốt nghiệp - Dược	4	
31	0301000212	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp - Dược	8	
		Loại hình 2:	8	
32	0301000550	- Tiểu luận tốt nghiệp - Dược	4	
33	0301002528	- Học phần tốt nghiệp 1: Chăm sóc dược	2	
34	0301001754	- Học phần tốt nghiệp 2: Dược bệnh viện	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành (Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng sau)			12	
Hướng 1: Quản lý, cung ứng và sử dụng thuốc			12	
1	0301000436	Quản lý tồn trữ thuốc	2	
2	0301000312	Marketing dược	3	
3	0301000142	Dược lâm sàng và điều trị	2	
4	0301000398	Pháp chế dược 2 (GPs và dược mỹ phẩm)	2	
5	0301000188	Hướng dẫn sử dụng thuốc	1	
6	0301000449	Quản trị kinh doanh dược	2	
Hướng 2: Sản xuất và phát triển thuốc			12	
7	0301001468	Dược liệu 3: Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	
8	0301001469	TH. Dược liệu 3: Phương pháp nghiên cứu dược liệu	1	
9	0301002529	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	
10	0301001466	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	
11	0301001467	TH. Sản xuất thuốc từ dược liệu	1	
12	0301000423	Phương pháp phân tích dụng cụ	2	
13	0301000082	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	
Hướng 3: Dược liệu và Dược cổ truyền			12	
14	0301002060	Phân loại, sinh thái - tài nguyên thực vật	2	
15	0301002061	Y học cổ truyền dân tộc	2	
16	0301002062	Các phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên.	2	
17	0301002063	Trồng và phát triển cây thuốc	2	
18	0301002064	TH. Trồng và phát triển cây thuốc	1	
19	0301002065	Thực hành tốt trong sản xuất kinh doanh dược liệu	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
20	0301002066	TH. Thực hành tốt trong sản xuất kinh doanh dược liệu.	1	
Tổng cộng			77	
TỔNG CỘNG: 160 TÍN CHỈ (Bắt buộc: 148 TC; Tự chọn: 12 TC) và 11 TC học phần điều kiện.				

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Sinh học và di truyền	2	2	0	30	30	0
2	TH. Sinh học và di truyền	1	0	1	30	0	30
3	Vật lý - Lý sinh	2	1	1	45	15	30
4	Tin học căn bản	3	0	3	90	0	90
5	Xác suất thống kê y dược	2	2	0	30	30	0
6	Hóa đại cương vô cơ	2	2	0	30	30	0
7	TH. Hóa đại cương vô cơ	1	0	1	30	0	30
8	Thực hành dược khoa	1	0	1	30	0	30
9	Nhận thức dược liệu	1	0	1	30	0	30
10	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	0	1	30	0	1
11	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**	1					
12	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**	1					
Tổng		16	7	9	375	105	270

Học kỳ 2:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	45	45	0
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	30	0
3	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	0	60	60	0
4	Thực vật dược	3	3	0	45	45	0

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
5	TH. Thực vật dược	1	0	1	30	0	30
6	Hóa hữu cơ	3	3	0	45	45	0
7	TH. Hóa hữu cơ	1	0	1	30	0	30
8	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	0	1	30	0	30
9	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	1					
10	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1					
11	Giáo dục quốc phòng	8	3	5	165	77	88
Tổng		26	18	8	480	302	178

Học kỳ 3:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	30	0
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	30	0
3	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	0	60	60	0
4	Hóa phân tích 1	2	2	0	30	30	0
5	TH. Hóa phân tích 1	1	0	1	30	0	30
6	Hóa sinh	3	3	0	45	45	0
7	TH. Hóa sinh	1	0	1	30	0	30
8	Hóa lý dược	2	2	0	30	30	0
9	TH. Hóa lý dược	1	0	1	30	0	30
10	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	0	1	30	0	30
11	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1					
12	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1					
Tổng		19	15	4	345	225	120

Học kỳ 4:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	30	0
2	Vi sinh vật Y học	2	2	0	30	30	0

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
3	TH. Vi sinh vật Y học	1	0	1	30	0	30
4	Giải phẫu sinh lý	2	2	0	30	30	0
5	TH. Giải phẫu sinh lý	2	0	2	60	0	60
6	Tiếng anh chuyên ngành	2	2	0	30	30	0
7	Tâm lý và đạo đức y dược	2	2	0	30	30	0
8	Hóa phân tích 2	2	2	0	30	30	0
9	TH. Hóa phân tích 2	1	0	1	30	0	30
Tổng		16	12	4	300	180	120

Học kỳ 5:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Dược dịch tễ	2	1	1	45	15	30
2	Sinh lý bệnh – miễn dịch	2	2	0	30	30	0
3	Hóa dược 1	2	2	0	30	30	0
4	TH. Hóa dược 1	1	0	1	30	0	30
5	Ký sinh trùng	2	2	0	30	30	0
6	TH. Ký sinh trùng y học	1	0	1	30	0	30
7	Dược lý 1	2	2	0	30	30	0
8	TH. Dược lý 1	1	0	1	30	0	30
9	Dược liệu 1	2	2	0	30	30	0
10	TH. Dược liệu 1	2	0	2	60	0	60
Tổng		17	11	6	345	165	180

Học kỳ 6:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Bệnh học cơ sở	3	3	0	45	45	0	
2	Dược liệu 2	2	2	0	30	30	0	
3	TH. Dược liệu 2	2	0	1	30	0	60	
4	Hóa dược 2	3	3	0	45	45	0	

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
5	TH. Hóa dược 2	1	0	1	30	0	30	
6	Bào chế và sinh dược 1	2	2	0	30	30	0	
7	TH. Bào chế và sinh dược 1	1	0	1	30	0	30	
8	Tự chọn Hướng 1: Quản lý tồn trữ thuốc	2	2	0	30	30	0	Tự chọn 02 TC
9	Tự chọn Hướng 2: Phương pháp phân tích dụng cụ	2	2	0	30	30	0	
10	Tự chọn Hướng 3: Phân loại, sinh thái - tài nguyên thực vật	2	2	0	30	30	0	
Tổng		16	12	3	270⁺	180⁺	120⁺	

Học kỳ 7:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Tin học chuyên ngành dược	2	1	1	45	15	30	
2	Kinh tế dược	2	1	1	45	15	30	
3	Pháp chế dược 1	2	2	0	30	30	0	
4	Dược lý 2	3	3	0	45	45	0	
5	TH. Dược lý 2	1	0	1	30	0	30	
6	Bào chế và sinh dược 2	2	2	0	30	30	0	
7	TH. Bào chế và sinh dược 2	2	0	2	60	0	60	
Nhóm tự chọn Hướng 1								
8	Quản trị kinh doanh dược	2	2	0	30	30	0	Tự chọn 03 TC
9	Hướng dẫn sử dụng thuốc	1	0	1	30	0	30	
Nhóm tự chọn Hướng 2								
10	Dược liệu 3: Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	2	0	30	30	0	Tự chọn 03 TC
11	TH. Dược liệu 3: Phương pháp nghiên cứu dược liệu	1	0	1	30	0	30	
Nhóm tự chọn Hướng 2								
12	Trồng và phát triển cây thuốc	2	2	0	30	30	0	Tự chọn 03 TC
13	TH. Trồng và phát triển cây thuốc	1	0	1	30	0	30	
Tổng		17	11	6	345⁺	165⁺	180⁺	

Học kỳ 8:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú	
		TC	LT	TH	TC	LT	TH		
1	Công nghệ sản xuất dược phẩm	2	2	0	30	30	0		
2	TH. Công nghệ sản xuất dược phẩm	1	0	1	30	0	30		
3	Dược lâm sàng 1	2	2	0	30	30	0		
4	TH. Dược lâm sàng 1	1	0	1	30	0	30		
5	Kiểm nghiệm thuốc	3	3	0	45	45	0		
6	TH. Kiểm nghiệm thuốc	2	0	2	60	0	60		
7	Thực tế 1 (TT. Nhà thuốc Bệnh viện)	1	0	1	80	0	80		
Nhóm tự chọn Hướng 1									
8	Marketing dược	3	2	1	60	30	30	Tự chọn 05 TC	
9	Pháp chế dược 2 (GPs và dược mỹ phẩm)	2	2	0	30	30	0		
Nhóm tự chọn Hướng 2									
10	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	2	0	30	30	0		
11	TH. Sản xuất thuốc từ dược liệu	1	0	1	30	30	0		
12	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	2	0	30	30	0		
Nhóm tự chọn Hướng 3									
13	Các phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên.	2	2	0	30	30	0		
14	Thực hành tốt trong sản xuất kinh doanh dược liệu	2	2	0	30	30	0		
15	TH. Thực hành tốt trong sản xuất kinh doanh dược liệu	1	0	1	30	30	0		
Tổng		17	11	6	395⁺	165⁺	230⁺		

Học kỳ 9:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
1	Độc chất học	2	2	0	30	30	0	
2	TH. Độc chất học	1	0	1	30	0	30	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	30	30	0	

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết			Ghi chú
		TC	LT	TH	TC	LT	TH	
4	Dược học cổ truyền	2	2	0	30	30	0	
5	Dược lâm sàng 2	2	2	0	30	30	0	
6	TH. Dược lâm sàng 2	2	0	2	60	0	60	
7	Dược xã hội học	2	2	0	30	30	0	
8	Tự chọn Hướng 1: Dược lâm sàng và điều trị	2	2	0	30	30	0	Tự chọn 02 TC
9	Tự chọn Hướng 2: Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	1	1	45	15	30	
10	Tự chọn Hướng 3: Y học cổ truyền dân tộc	2	2	0	30	30	0	
Tổng		15	12	3	270⁺	180⁺	90⁺	

Học kỳ 10:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp - Dược	4					120
2	Loại hình 1: Khóa luận tốt nghiệp - Dược	8					240
	Loại hình 2:	8					
3	Tiểu luận tốt nghiệp - Dược	4					120
4	Học phần tốt nghiệp 1: Chăm sóc dược	2	2	0	30	30	0
5	Học phần tốt nghiệp 2: Dược bệnh viện	2	2	0	30	30	0
Tổng		12				60	360

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác – Lênin bao gồm 3 chương, trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa di vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần gồm có 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp

nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong 3 bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin), khoa học về sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân, về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của hóa trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản như: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo và vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mạng của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về Hồ Chí Minh (về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người) và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

6. Tiếng Anh định hướng Toeic 1

Giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề về xã hội, giáo dục, môi trường, mua sắm, mô tả các mối quan hệ xã hội. học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp ở trình độ Sơ trung (Pre-intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu.

7. Tiếng Anh định hướng Toeic 2

Học phần Anh văn II thuộc kiến thức giáo dục đại cương giới thiệu các chủ điểm liên

quan đến chủ đề về giải trí, khoa học công nghệ, thẩm mỹ, tính cách con người, tội phạm và bạo lực. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp ở trình độ Trung cấp (Intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết trong giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu.

8. Tin học căn bản

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin: Thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; khả năng đánh máy, soạn thảo văn bản, nhập dữ liệu, giải nén file,... Sử dụng thành thạo các tính năng, hệ điều hành window, các ứng dụng như tin học văn phòng Excel, Word, Powerpoint,... Truy cập Internet để tìm kiếm thông tin, nghe nhạc và làm việc...

9. Giáo dục thể chất 1

Nội dung học phần cầu lông cơ bản: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần bóng đá cơ bản: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10. Giáo dục thể chất 2

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1: giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kĩ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kĩ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng

cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

11. Giáo dục thể chất 3

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2: Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

12. Xác suất – Thống kê y dược

Môn học bao gồm hai phần: Xác suất và Thống kê. Phần xác suất nhằm cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm: xác suất cơ bản, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, công thức Bernoulli và xác suất trong chẩn đoán; Biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các phương pháp thu thập dữ liệu, các khái niệm và các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu; ước lượng và kiểm định các tham số của tổng thể

13. Vật lý – lý sinh

Nội dung học phần: Học phần này trình bày các kiến thức về: sự biến đổi năng lượng của cơ thể; chuyển động trong cơ thể; dao động và sóng; điện và sự sống; ánh sáng và cơ thể sống; bức xạ ion hóa và cơ thể sống; ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt

nhân vào y học.

14. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Giáo dục quốc phòng – An ninh là học phần kiến thức khoa học cơ bản. Học phần trang bị kiến thức cơ bản về học thuyết Mác -Leônin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc, các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của đảng về kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần còn giới thiệu một số nội dung về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt nam qua các thời kỳ. Nội dung học phần nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

15. Tin học Chuyên ngành Dược

SPSS (Statistical Package for Social Science) là một phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và xử lý, phân tích thống kê chuyên nghiệp, linh hoạt, đa năng và rất mạnh so với các phần mềm có chức năng xử lý thống kê khác như: Lotus, Quattro, Excel, Stata, Epi Info ... Nó ngày càng được sử dụng rộng rãi trong công tác nghiên cứu, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê, đặc biệt đối với việc xử lý phân tích dữ liệu của các cuộc điều tra.

SPSS rất mạnh trong việc phân tích mối tương quan giữa các tiêu chí của sự vật, hiện tượng mà các phần mềm khác khó hoặc không thực hiện được.

SPSS giúp người nghiên cứu có thể phân tích các xu hướng phát triển của hiện tượng, sự vật thông qua các số liệu thống kê từ đó đưa ra các dự báo trong nghiên cứu.

SPSS for Window thân thiện với người sử dụng, dễ dàng liên kết để lấy dữ liệu, hoặc xuất kết quả các phần mềm ứng dụng khác như Excel, Access.

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Các nội dung học phần bao gồm khái niệm, vai trò, tầm quan trọng của phương pháp NCKH trong ngành Dược. Học phần gồm có 5 chương lý thuyết và 5 bài tập thực hành, trong mỗi chương lý thuyết và bài thực tập được trình bày những kiến thức cơ bản về NCKH, cách chuẩn bị để viết đề cương, các bước thực hiện một đề tài, phương pháp viết bài báo khoa học và trình bày một báo cáo NCKH hay luận văn tốt nghiệp ứng dụng trong ngành Dược

16. Lý thuyết Hóa học đại cương – vô cơ

Sinh viên sẽ được học về:

Các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các kiểu liên kết hóa học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hóa học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hóa học, ứng dụng của hóa học và dòng điện.

Giới thiệu đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa của một số các nguyên tố hóa học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B.

Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thuyết trình vấn đề trước tập thể.

17. Thực hành Hóa học đại cương – vô cơ

Sinh viên sẽ được học về:

Các lý thuyết về kiến thức xử lý số liệu, cách thức sử dụng dụng cụ - hóa chất vô cơ. Từ đó, sinh viên biết cách trình bày các vấn đề thực nghiệm một cách khoa học, logic.

Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa học cơ bản.

Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và trình bày báo cáo khoa học thực nghiệm.

18. Lý thuyết Hóa lý dược

Sinh viên sẽ được học về: Hóa lý dược là học phần cơ sở, trang bị cho sinh viên được kiến thức nền tảng về các tính chất cơ bản của dung dịch điện ly, động học chuyển hóa của dược chất, về các hệ phân tán thường được ứng dụng trong ngành Dược.

19. Thực hành Hóa lý dược

Sinh viên sẽ được học về:

Các lý thuyết về kiến thức xử lý số liệu, cách thức sử dụng dụng cụ - hóa chất hóa học trong thực nghiệm hóa lý dược. Từ đó, sinh viên biết cách trình bày các vấn đề thực nghiệm một cách khoa học, logic.

Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa lý trong ngành Dược học.

Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và trình bày báo cáo khoa học thực nghiệm.

20. Lý thuyết Ký sinh trùng y học:

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành xong các học phần Sinh học di truyền.

Nội dung cơ bản của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác nhân gây ra những bệnh truyền nhiễm. Người học có thể hiểu cơ chế gây bệnh, dự phòng lây truyền và đề ra phương pháp phòng và trị hiệu quả nhằm bảo vệ sức khỏe tốt nhất. Bên cạnh đó, nội dung học phần còn cung cấp cho người kiến thức cơ sở để bước vào các học phần chuyên ngành như: Hướng dẫn sử dụng thuốc, dược lâm sàng, dược lý.

21. Thực hành Ký sinh trùng y học:

Thực hành ký sinh trùng là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm giới

thiệu một số phương pháp xét nghiệm và các bước nhận diện các nhóm ký sinh trên người qua các đặc điểm hình thái của trứng, ấu trùng và thanh trùng.

22. Lý thuyết Vi sinh y học:

Môn Vi sinh vật y học thuộc nhóm học phần kiến thức cơ sở ngành, có vai trò cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tác nhân gây ra những bệnh truyền nhiễm. Người học có thể hiểu cơ chế gây bệnh, dự phòng lây truyền và đề ra phương pháp phòng và trị hiệu quả nhằm bảo vệ sức khỏe tốt nhất. Bên cạnh đó, nội dung học phần còn cung cấp cho người kiến thức cơ sở để bước vào các học phần chuyên ngành như: Hướng dẫn sử dụng thuốc, kiểm nghiệm thuốc, dược lâm sàng, dược lý.

23. Thực hành Vi sinh y học:

Điều kiện tiên quyết là sinh viên học xong phần lý thuyết.

Là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm giới thiệu một số thao tác cơ bản tiếp cận và làm việc với vi sinh: phân lập, nhận diện hình thái, đặc tính sinh hóa của vi khuẩn, có thể định danh sơ bộ vi khuẩn gây bệnh, đồng thời cung cấp một số phương pháp kiểm tra mật số vi khuẩn có trong mẫu, phương pháp xác định khả năng đề kháng với thuốc kháng sinh và thực hiện qui trình kiểm tra hoạt lực của kháng sinh.

Dược dịch tễ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Xác suất thống kê, Vi sinh- Ký Sinh Trùng, Môi Trường.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

24. Tâm lý và đạo đức y dược

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần gồm kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

25. Lý thuyết Giải phẫu - sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành học phần Sinh học đại cương

Môn giải phẫu – sinh lý học giới thiệu các kiến thức căn bản về hình thái vi thể của các cơ quan trong cơ thể, những quy luật hoạt động của cơ thể sống, những đặc điểm chức

năng từng tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan trong một cơ thể thống nhất, toàn vẹn. Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý, sự thích nghi của cơ thể với môi trường sống tự nhiên và xã hội, nhằm đảm bảo cơ thể hoạt động ổn định, tồn tại và phát triển một cách bình thường.

26. Thực hành Giải phẫu - sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành học phần lý thuyết Giải phẫu-sinh lý.

Môn giải phẫu – sinh lý học giới thiệu các kiến thức căn bản về hình thái vi thể của các cơ quan trong cơ thể, những quy luật hoạt động của cơ thể sống, những đặc điểm chức năng từng tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan trong một cơ thể thống nhất, toàn vẹn. Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý, sự thích nghi của cơ thể với môi trường sống tự nhiên và xã hội, nhằm đảm bảo cơ thể hoạt động ổn định, tồn tại và phát triển một cách bình thường.

27. Sinh lý bệnh-miễn dịch

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành học phần Giải phẫu-sinh lý.

Sinh lý bệnh học là học phần nghiên cứu về những thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào trong tình trạng bệnh lý. Bao gồm 2 nội dung lớn là phần sinh lý bệnh đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học và các quy luật hoạt động của các quá trình bệnh lý điển hình) và sinh lý bệnh các cơ quan nghiên cứu sự thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương.

Miễn dịch học gồm các phần miễn dịch học đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể) và phần miễn dịch bệnh lý nghiên cứu các rối loạn hoạt động của hệ thống miễn dịch và tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của chúng, từ đó đưa ra những nguyên tắc điều trị bệnh lý miễn dịch.

28. Bệnh học cơ sở

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành học phần Sinh lý bệnh- miễn dịch.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và hướng điều trị của một số bệnh lý thường gặp trên hệ tim mạch, nội tiết, hệ hô hấp, huyết học, vận động, tiêu hóa, ...

Sinh viên sẽ được thực tập tại bệnh viện, tiếp xúc với bệnh nhân để củng cố cho phần lý thuyết đã học và biết cách phân tích một số kết quả cận lâm sàng cơ bản.

29. Thực hành Dược Khoa:

Thực hành dược khoa là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Mục tiêu của học phần này là hướng dẫn sinh viên các thao tác chuẩn trong việc sử dụng dụng cụ trong phòng thí nghiệm, giúp sinh viên có khả năng thực hiện các thao tác cân, đong, đo và hòa tan đúng kỹ thuật. Vận dụng các kiến thức đã được thực hành để phục vụ cho công tác pha

chế thuốc, kiểm nghiệm thuốc.

30. Lý thuyết Bào Chế - Sinh Dược học 1

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Hóa dược, Hóa lý.

Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và dung dịch thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, kỹ thuật xử lý điều chế các loại nước sử dụng trong ngành Dược.

31. Thực hành Bào Chế - Sinh Dược học 1

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Hóa dược, Thực hành dược khoa.

Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và dung dịch thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, kỹ thuật xử lý điều chế các loại nước sử dụng trong ngành Dược.

32. Lý thuyết Bào Chế - Sinh Dược học 2

Điều kiện tiên quyết: đã hoàn thành học phần Thực hành dược khoa, Bào chế & Sinh dược học 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc phun mù, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên, thuốc nang... Tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc.

33. Thực hành Bào Chế - Sinh Dược học 2

Điều kiện tiên quyết: đã hoàn thành học phần Thực hành dược khoa, Bào chế & Sinh dược học 1

Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều chế các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc phun mù, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên, thuốc nang... Tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc.

34. Lý thuyết Công nghệ Sản xuất dược phẩm

Điều kiện tiên quyết: đã hoàn thành các học phần Bào Chế - Sinh Dược Học 1 & 2.

Học phần công nghệ sản xuất dược phẩm cung cấp kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng thuốc, các qui trình công nghệ trong sản xuất các dạng thuốc, các qui định về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.

35. Thực hành Công nghệ sản xuất dược phẩm

Điều kiện tiên quyết: đã hoàn thành các học phần Bào Chế - Sinh Dược Học 1 & 2.

Học phần thực hành công nghệ sản xuất dược phẩm cung cấp kiến thức về các qui

trình công nghệ trong sản xuất các dạng thuốc. Đồng thời giúp người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng qui trình sản xuất các dạng thuốc, vận hành các loại trang thiết bị trong sản xuất thuốc.

36. Lý thuyết Mỹ Phẩm – Thực phẩm chức năng

Điều kiện tiên quyết Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Bào chế và sinh dược học 1,2, Dược lý 1, 2.

Học phần Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến mỹ phẩm, thực phẩm chức năng bao gồm các vấn đề liên quan đến khái niệm, thành phần, phân loại, phân biệt các dạng bào chế, ứng dụng và kiểm tra quản lý.

37. Thực hành Mỹ Phẩm - Thực phẩm chức năng

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Bào chế và sinh dược học 1,2, Dược lý 1

Học phần Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến mỹ phẩm, thực phẩm chức năng bao gồm các vấn đề liên quan đến khái niệm, thành phần, phân loại, phân biệt các dạng bào chế, ứng dụng và kiểm tra quản lý.

38. Sản xuất thuốc từ dược liệu

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Bào chế và sinh dược học 2, Dược liệu 3.

Học phần sản xuất thuốc từ dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được, các chế phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế các dạng thuốc từ dược liệu. Đồng thời, sinh viên sẽ được hướng dẫn các nội dung liên quan đến sản xuất và kiểm tra chất lượng các dạng bào chế từ dược liệu: cồn thuốc, rượu thuốc, cao thuốc, viên nén, viên nang, viên hoàn và các chế phẩm mới. Rèn luyện kỹ năng làm việc đội nhóm để giải quyết các yêu cầu về thuốc sản xuất từ dược liệu.

39. Lý thuyết Thực vật dược

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành học phần Sinh học đại cương.

Gồm 2 phần: **Hình thái – Giải phẫu thực vật** và **Phân loại thực vật**

Phần 1: Hình thái - Giải phẫu thực vật gồm các nội dung liên quan đến cấu trúc của tế bào thực vật, các khái niệm về mô, cấu tạo và phân loại các mô thực vật làm cơ sở cho sinh viên học giải phẫu cơ quan thực vật như rễ, thân, lá, cũng như phục vụ cho công tác kiểm nghiệm dược liệu sau này. Ngoài ra còn có các khái niệm liên quan đến mô tả cơ quan sinh trưởng và cấu trúc cơ quan sinh sản của thực vật có hoa để làm nền tảng cho việc

học phân phân loại thực vật. Từ đó sinh viên biết mô tả một cây theo trình tự phân loại

Phần 2: Phân loại thực vật trình bày các đặc điểm đặc trưng ở bậc ngành, lớp, phân lớp, bộ, đặc biệt là ở bậc họ. Ngoài mô tả đặc điểm và các hình ảnh minh họa còn cho biết số chi, số loài hiện có ở Việt Nam, tên và công dụng một số dược liệu trong họ giúp sinh viên có thể liên hệ cây thuốc thực tế để nhận biết đặc điểm của họ và biết được vị trí phân loại của các cây thuốc chủ yếu.

40. Thực hành Thực vật dược

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành học phần TH. Sinh học đại cương.

Học phần TH. Thực vật dược cung cấp cho sinh viên kỹ năng làm các tiêu bản vi học và tiêu bản thực vật, quan sát, nhận biết và vẽ các sơ đồ của các cơ quan của thực vật, làm cơ sở phục vụ cho học phần dược liệu ở những học kỳ sau.

41. Nhận thức dược liệu

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành học phần TH. Thực vật dược.

Học phần Nhận thức dược dược liệu cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhận thức dược dược liệu về mặt cảm quan và nắm được các kiến thức về tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng và cách dùng của từng dược liệu.

42. Lý thuyết Dược liệu 1

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Nhận thức dược liệu, Hóa hữu cơ.

Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.

43. Thực hành Dược liệu 1

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Nhận thức dược liệu, Hóa hữu cơ.

Học phần TH. Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kỹ năng về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính, định lượng các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin có trong dược liệu.

44. Lý thuyết Dược liệu 2

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Dược liệu 1.

Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh

dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.

45. Thực hành Dược liệu 2

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành học phần Dược liệu 1.

Học phần Thực hành Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kỹ năng về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid.

46. Dược học cổ truyền

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Dược liệu 1, 2.

Học phần Dược học cổ truyền cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng 1 số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.

47. Lý thuyết Dược liệu 3 (Phương pháp nghiên cứu Dược liệu)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Dược liệu 1, 2.

Học phần Dược liệu 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp chiết xuất dược liệu cổ điển và hiện đại, từ quy mô nhỏ tới quy mô công nghiệp. Các phương pháp phân lập các nhóm hoạt chất từ dược liệu bằng các kỹ thuật sắc ký cổ điển và hiện đại ở quy mô phân tích và định lượng.

48. Thực hành Dược liệu 3 (Phương pháp nghiên cứu Dược liệu)

Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải hoàn thành các học phần Dược liệu 1, 2.

Học phần TH. Dược liệu 3 cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hiện các phương pháp chiết xuất dược liệu cổ điển và hiện đại, từ quy mô nhỏ tới quy mô công nghiệp. Các phương pháp phân lập các nhóm hoạt chất từ dược liệu bằng các kỹ thuật sắc ký cổ điển và hiện đại ở quy mô phân tích và định lượng.

49. Kinh Tế Dược

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản liên quan đến kinh tế học đại cương, kinh tế y tế, kinh tế dược, hợp đồng mua bán thuốc và trang thiết bị y tế, các loại thuế - phí - lệ phí thường gặp trong hoạt động kinh doanh thuốc và cách thức vận dụng các nguyên tắc thực hành tốt nhà thuốc để xây dựng nhà thuốc đạt chuẩn GPP.

50. Pháp chế dược 1

Học phần Pháp chế dược 2 bao gồm các nội dung bản chất, vị trí, chức năng của pháp luật, các văn bản qui phạm pháp luật. Và các văn bản pháp luật hiện nay liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh dược. Giúp cho sinh viên hiểu và áp dụng đúng những kiến thức đã học để thực hiện đúng quy định trong hành nghề Dược.

51. Dược xã hội học

Học phần giới thiệu hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam và các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Y tế, những nội dung cơ bản của chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và chiến lược phát triển ngành Dược trong giai đoạn hiện nay. Trình bày tổ chức của ngành Dược Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của người Dược sĩ trong tình hình hiện nay.

52. Pháp chế dược 2 (GPs và dược mỹ phẩm)

Học phần Pháp chế dược 2 bao gồm các nội dung về bộ tiêu chuẩn thực hành tốt do Bộ Y tế ban hành: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP), và những kiến thức chung về tình hình sản xuất, sử dụng và quản lý mỹ phẩm hiện nay của Việt Nam, Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm, và GMP trong sản xuất mỹ phẩm.

53. Marketing Dược

Học phần Marketing Dược cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing dược như: các chính sách trong marketing, và giúp cho sinh viên có thể ứng dụng những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.

54. Hướng dẫn sử dụng thuốc

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách nhận dạng một số loại thuốc thông dụng, hướng dẫn công dụng cách dùng, giúp sinh viên biết cách sử dụng cũng như tư vấn, cho bệnh nhân.

55. Quản trị kinh doanh dược

Quản trị kinh doanh trong lĩnh vực dược là một học phần giúp cho việc đào tạo người cán bộ Dược có những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong lĩnh vực dược.

Thông qua học phần này, người học được trang bị không chỉ những kiến thức cơ bản về lý thuyết mà còn được thực hành các tình huống liên quan tới thực hành nghề nghiệp từ thực tế công việc. Qua đó người học có khả năng thích ứng được với nhiều tình huống công tác sau khi tốt nghiệp.

56. Đảm bảo chất lượng thuốc

Học phần Đảm bảo chất lượng thuốc bao gồm các nội dung về bộ tiêu chuẩn thực hành tốt do Bộ Y tế ban hành: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP) nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về các phương pháp chủ yếu trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc từ sản xuất cho đến tay người sử dụng.

Quản lý tồn trữ thuốc

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.

57. Lý thuyết hóa phân tích 1

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý

Gồm các phương pháp phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa-khử, kết tủa, khối lượng.

58. Thực hành hóa phân tích 1

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý

Gồm các kỹ thuật phân tích định lượng bằng phép đo thể tích: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa-khử, kết tủa.

59. Lý thuyết hóa phân tích 2

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1

Gồm các nguyên lý, ứng dụng của các phương pháp quang phổ UV-VIS, hồng ngoại, huỳnh quang, hấp thụ nguyên tử, các phương pháp chiết tách và một số phương pháp sắc kí, phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ...). Các phương pháp xử lý mẫu.

60. Thực hành Hóa phân tích 2

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1

Gồm nội dung: định tính, định lượng bằng phương pháp quang phổ UV-VIS, hồng ngoại, sắc kí, phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ...). Các phương pháp xử lý mẫu.

61. Lý thuyết Kiểm nghiệm thuốc

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1,2

Kiểm nghiệm là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của dược phẩm. Kiểm nghiệm có mặt trong các công đoạn sản xuất (kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và kiểm nghiệm thành phẩm) trong tồn trữ, lưu thông và phân phối thuốc. Các kỹ thuật được sử dụng trong kiểm nghiệm rất phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, sinh học.

62. Thực hành Kiểm nghiệm thuốc

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1,2

Kiểm nghiệm là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của dược phẩm. Kiểm nghiệm có mặt trong các công đoạn sản xuất (kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và kiểm nghiệm thành phẩm) trong tồn trữ, lưu thông và phân phối thuốc. Các kỹ thuật được sử dụng trong kiểm nghiệm rất phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, sinh học.

63. Lý thuyết Độc chất học

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1,2

Độc chất học là học phần cơ sở, cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản, cần thiết về các chất độc, tác dụng của chúng đối với cơ thể, từ đó đề xuất cách phòng chống và chống lại tác động có hại của chúng cũng như xây dựng các phương pháp phân lập chất độc khỏi mẫu thử, các phản ứng định tính, phương pháp định lượng các chất độc hại này.

64. Thực hành Độc chất học

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý, hóa phân tích 1,2

Độc chất học là học phần cơ sở, cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản, cần thiết về các chất độc, tác dụng của chúng đối với cơ thể, từ đó đề xuất cách phòng chống và chống lại tác động có hại của chúng cũng như xây dựng các phương pháp phân lập chất độc khỏi mẫu thử, các phản ứng định tính, phương pháp định lượng các chất độc hại này.

65. Phương pháp phân tích dụng cụ

Điều kiện tiên quyết: Đã học hóa vô cơ, hóa lý

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản các phương pháp phân tích dụng cụ (chiết tách, sắc ký, quang phổ, điện hóa,...) được sử dụng rộng rãi trong ngành Dược.

66. Lý thuyết Hóa dược 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa hữu cơ, Hóa phân tích.

Hóa dược 1 cung cấp các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, vitamin và các chất dinh dưỡng.

67. Thực hành Hóa dược 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa hữu cơ, Hóa phân tích.

Thực hành Hóa dược 1 cung cấp các kỹ năng về định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc và tổng hợp được một số mẫu thuốc trong các nhóm thuốc: tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, vitamin và các chất dinh dưỡng... đạt tiêu chuẩn quy định. Kiểm nghiệm các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo những tiêu chuẩn quy định.

68. Lý thuyết Hóa dược 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa dược 1.

Hóa dược 2 cung cấp các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong...

69. Thực hành Hóa dược 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa dược 1.

Thực hành Hóa dược 2 cung cấp các kỹ năng về định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc và tổng hợp được một số mẫu thuốc trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong... đạt tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo những tiêu chuẩn quy định.

70. Lý thuyết Dược lý 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Hóa sinh, Hoá dược.

Dược lý 1 cung cấp các kiến thức về:

- Các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc.

- Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.

71. Thực hành Dược lý 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa dược.

Thực hành Dược lý 1 hướng dẫn thực nghiệm trên động vật thí nghiệm. Những thủ thuật cần biết khi làm những thử nghiệm dược lý.

Mô hình dược lý thử nghiệm đơn giản để khảo sát tác dụng, độc tính của thuốc: khảo sát tác dụng của digoxin, thuốc mê, nhóm barbiturat, strychnin,....

72. Lý thuyết Dược lý 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Dược lý 1.

Dược lý 2 cung cấp các kiến thức về phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin...

73. Thực hành Dược lý 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Dược lý 2 (lý thuyết).

Thực hành Dược lý 2 cung cấp các kỹ năng về phân loại và hướng dẫn sử dụng được một số nhóm thuốc cơ bản, nêu tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc giảm đau, hạ sốt chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin...

74. Lý thuyết Dược lâm sàng 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hoá dược, Dược lý.

Dược lâm sàng là một học phần của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Dược lâm sàng 1 cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về sử dụng thuốc như các tương tác dược động và tương tác dược lực của thuốc, thông tin thuốc và ADRs, ý nghĩa của các xét nghiệm sinh hoá máu, ảnh hưởng của thuốc khi dùng cho các đối tượng đặc biệt,... nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.

75. Thực hành Dược lâm sàng 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hóa dược, Dược lý và lý thuyết Dược lâm sàng 1.

Thực hành Dược lâm sàng 1 cung cấp các kỹ năng về thực tế lâm sàng như thông tin thuốc và ADRs, các tương tác dược động và tương tác dược lực của thuốc, ý nghĩa của các xét nghiệm sinh hoá máu, ảnh hưởng của thuốc khi dùng cho các đối tượng đặc biệt,... nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.

76. Lý thuyết Dược lâm sàng 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Hoá dược, Dược lý.

Dược lâm sàng là một học phần của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Dược lâm sàng 2 cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nguyên tắc sử dụng kháng sinh, thuốc kháng viêm, glucocorticoid; sử dụng thuốc trong điều trị điều trị, bệnh suy tim, rối loạn lipid huyết, đái tháo đường, trào ngược dạ dày – thực quản, hen suyễn... nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.

77. Thực hành Dược lâm sàng 2

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: lý thuyết và thực hành Dược lâm sàng 1, lý thuyết Dược lâm sàng 2.

Thực hành Dược lâm sàng 2 cung cấp các kỹ năng về sử dụng kháng sinh, thuốc kháng viêm, glucocorticoid; sử dụng thuốc trong điều trị điều trị, bệnh suy tim, rối loạn lipid huyết, đái tháo đường, trào ngược dạ dày – thực quản, hen suyễn... nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.

78. Dược lâm sàng và điều trị

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: lý thuyết và thực hành Dược lâm sàng 1,2.

Dược lâm sàng trong bệnh viện phục vụ cho chương trình giảng dạy môn dược lâm sàng sau khi sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về dược lâm sàng đại cương và dược lâm sàng điều trị. Học phần này được mở rộng thêm để có thể bao quát được hầu hết các bệnh mà người dược sĩ lâm sàng cần nắm vững như sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tuyến giáp, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, bệnh suy thận cấp, suy thận mãn, bệnh nhiễm Herpes và nhiễm VSV, viêm gan. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.

79. Lý thuyết Sinh học di truyền

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Đại cương

Học phần Sinh học Di truyền cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh học tế bào: Kiến thức về các chất cơ bản cấu trúc sự sống; kiến thức về cấu tạo tế bào, đơn vị của sự sống từ sơ hạch tới chân hạch; các quá trình sống: trao đổi chất và năng lượng; hô hấp, quang hợp; các kiến thức cơ bản duy trì cơ thể sống qua phân chia tế bào, sự tổng hợp vật chất di truyền và vật chất sự sống cũng như sự truyền thông tin di truyền không bình thường gây hậu quả đột biến.

Kiến thức về di truyền học cung cấp cho sinh viên các tính trạng của con người được lưu trữ trong bộ máy di truyền; phương pháp nghiên cứu bộ máy di truyền bình thường và đặc biệt những sai lệch trong bộ máy di truyền sẽ sinh ra các căn bệnh ở con người, ở quần thể người; đây là nền tảng cho các học phần tiếp theo của Dược học.

80. Thực hành Sinh học di truyền

Điều kiện tiên quyết Sinh viên phải hoàn thành chương trình học phần: Lý thuyết Sinh học Di truyền.

Học phần Thực hành Sinh học Di truyền cung cấp cho sinh viên kỹ năng về thực hành

Sinh học Di truyền, làm mẫu vật vi phẫu, quan sát, nhận biết các bào quan trong cấu trúc tế bào; Làm thí nghiệm, phân tích và giải thích được phản ứng co nguyên sinh và phản co nguyên sinh của tế bào; làm tiêu bản hiển vi quan sát và phân biệt được các kỳ trong phân bào nguyên phân, giảm phân; đồng thời nhận biết, giải thích được hậu quả các dạng đột biến nhiễm sắc thể ở người thường gặp, sắp xếp được bộ nhiễm sắc đồ của người.

81. Lý thuyết Hóa sinh

Hóa sinh học là khoa học nghiên cứu thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất các hợp phần của tế bào, nghiên cứu quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sinh vật, hay nói khác đi sinh hóa học là khoa học nghiên cứu cơ sở hóa học của sự sống.

Ngày nay, người ta chia hóa sinh học làm hai phần lớn:

1. Sinh hóa học tĩnh: Nghiên cứu thành phần hóa học của cơ thể sống, thành phần hóa học ở đây được hiểu không những là thành phần chất lượng và cấu trúc các hợp chất, mà cả hàm lượng, số lượng của chúng trong cơ thể động, thực vật.

2. Sinh hóa học động: Nghiên cứu quá trình chuyển hóa các chất, trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sinh vật. Chỉ rõ mối tương quan giữa cấu trúc các hợp chất hóa học và quá trình biến đổi của chúng với chức năng của các mô bào và các cơ quan.

82. Thực hành Hóa sinh

Hóa sinh học là khoa học nghiên cứu thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất các hợp phần của tế bào, nghiên cứu quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sinh vật, hay nói khác đi sinh hóa học là khoa học nghiên cứu cơ sở hóa học của sự sống.

Giáo trình thực tập sinh hóa được biên soạn trên cơ sở kế thừa và phát huy giáo trình được quý Thầy Cô tiên nhiệm biên soạn trước, nội dung nhằm giúp cho sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản trong thí nghiệm sinh hóa và các phương pháp thí nghiệm để khảo sát glucid, lipid, acid amin, enzyme, nucleic acid, vitamin, và các chất khác. Trên cơ sở của các phương pháp phân tích này, các bài thực tập sẽ được lựa chọn ra cho phù hợp với từng chuyên ngành và điều kiện của từng năm học. Các bài thực hành còn giúp làm sáng tỏ những vấn đề đã được nêu ra trong phần lý thuyết.

83. Lý thuyết Hóa hữu cơ

Hóa hữu cơ là môn học cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên được kiến thức nền tảng về cơ sở lý thuyết của hóa hữu cơ bao gồm: cấu trúc phân tử, đồng phân, danh pháp, hiệu ứng điện tử, cơ chế phản ứng; các tính chất vật lý, hoá học, phương pháp chiết xuất, tổng hợp, tinh chế các hợp chất hữu cơ làm nền tảng để học các môn học chuyên ngành Dược

84. Thực hành Hóa hữu cơ

Học phần thực hành hóa hữu cơ gồm 30 tiết, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các kỹ thuật thí nghiệm, các phương pháp an toàn phòng thí nghiệm; các phương

pháp nhận biết các nhóm chức, hợp chất hữu cơ; các phương pháp tổng hợp, tách biệt và tinh chế một số chất hữu cơ có ứng dụng trong ngành dược và đời sống.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Dược sĩ đại học hệ chính quy gồm 171 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 43 TC giáo dục đại cương, 51 TC cơ sở khối ngành và 77 TC chuyên ngành trong đó 53 TC chuyên ngành bắt buộc, 12 TC tự chọn và 12 TC tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Dược – Điều dưỡng phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

Phần nội dung chương trình tự chọn: tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ 12 TC theo quy định, và học thêm 4 TC và làm tiểu luận 4 TC nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian: Khoa Dược – Điều dưỡng sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành Dược. Phòng Đào tạo và khoa Dược – Điều dưỡng sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

Thực tập, thực hành:

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo. Căn cứ vào quy chế của Bộ GD&ĐT, các trường quy định cụ thể cách đánh giá.

Thực tế tại cơ sở được sắp xếp vào học kì 8 hoặc học kì 9 tổ chức cho sinh viên học tập các kỹ năng nghề nghiệp tại các công ty, xí nghiệp, bệnh viện, hiệu thuốc.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

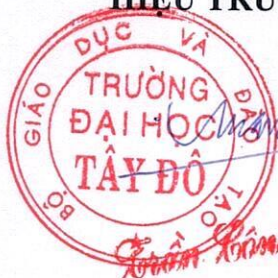
Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG P. ĐÀO TẠO

TRƯỜNG KHOA



Trần Hồng Loan

Lê Phú Nguyễn Hải

Phan Ngọc Thủy

PHỤ LỤC 1:

TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

1. Công văn số 2169/BGDĐT-GDDH, ngày 22 tháng 04 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2012 Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục khối ngành Khoa học sức khỏe, trình độ đại học.
3. Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3.0 2015.
 4. Công văn 2435/BGDĐT-GDDH ngày 12 tháng 04 năm 2013 về rà soát chuẩn đầu ra và giáo trình.
 5. Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13.
 6. Quyết định số 1215 ngày 04 tháng 4 năm 2013, Ban hành chương trình hành động của ngành giáo dục.
 7. Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối ngành không chuyên.
 8. Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017, Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

1. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.
3. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.